

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 03 – 8 – 2020

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 275/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa:

– Nguyên đơn: Chị Ngô Hồng T, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H Thành, xã P Hưng, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

– Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X L, xã Đ Bình, thành phố Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh M chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ B, thành phố Cà Mau vào ngày 27/12/2013. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm phai nhạt nên anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Do đó, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Thanh Long sinh ngày 20/9/2016, hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

Tại bản tự khai và lời trình bày của anh Nguyễn Thanh M trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, ly thân như lời chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng anh cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Kể từ khi chị T sinh con, chị xin về bên gia đình cha mẹ ruột của chị ở và để phụ giúp cha mẹ chị anh cũng đồng ý. Nhưng chị T ở với cha mẹ ruột một thời gian thì chị không chịu quay về chung sống với anh. Trong thời gian ly thân anh cũng thường tới lui thăm chị và con, anh năn nỉ chị về chung sống với anh nhưng chị cho rằng không còn tình cảm và kiên quyết không chịu về. Nay chị T xin ly hôn anh vì anh còn thương vợ thương con rất nhiều nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Thanh Long sinh ngày 20/9/2016, hiện con đang sống với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh M khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa chị T và anh M là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Hồng T và anh Nguyễn Thanh M xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã ĐB, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh M không đồng ý. Xét thấy, thực tế anh, chị cũng không còn chung sống vợ chồng từ năm 2016 đến nay. Thời gian này nhằm tạo điều kiện cho anh, chị thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ

chồng đã qua để tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, tự bản thân anh M cũng biết rõ là không thể chung sống với chị T được nữa. Tuy nhiên, anh vẫn muốn kéo dài cuộc hôn nhân mà không có mục đích gì cụ thể. Bên cạnh đó, chị T cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh M, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm và cuộc sống vợ chồng muốn duy trì được cần phải có sự dung hoà, cảm thông, chia sẻ và xây đắp của cả hai bên chứ không phải sự ép buộc, níu kéo từ một phía; hơn nữa tình cảm vợ chồng của anh M và chị T rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung nên không thể hàn gắn được. thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh M đã có mâu thuẫn với nhau trong thời gian dài nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, chị T và anh M đã sống mỗi người một nơi từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong mối quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ và thương yêu lẫn nhau. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Thanh Long sinh ngày 20/9/2016, hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M xác định: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, xét thấy, chị T và anh M đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T và anh M khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Hồng T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Thanh M.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh M giao cháu Nguyễn Thanh Long sinh ngày 20/9/2016 cho chị Ngô Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Thanh M được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh M xác định không có không yêu cầu Tòa án phân chia nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh M khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu 300.000đ. Ngày 20 tháng 5 năm 2020, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001857 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T, anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Định Bình, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thúy Dung